

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Văn Dương**.
2. Bà **Vương Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 603/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn T P**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019; bản tự khai ngày 12/02/2020; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bắt

đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Chị và anh P đã không còn chung sống từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 04 con chung Nguyễn Công H, sinh ngày 20/11/1997; Nguyễn Thành S, sinh ngày 27/3/1999; Nguyễn Thành H, sinh ngày 05/5/2002 và Nguyễn T H, sinh ngày 05/5/2002. Do cháu H và cháu S đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị đồng ý giao cháu H và cháu H cho anh P nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu H và cháu H đều đang đi làm phụ giúp gia đình. Trường hợp nếu tại thời điểm xét xử vụ án, cháu H và cháu H đều đủ 18 tuổi và có khả năng lao động thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2020 bị đơn anh Nguyễn T P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, anh đã nhiều lần tha thứ nhưng chị T vẫn không thay đổi, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau. Chị T đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 04 con chung Nguyễn Công H, sinh ngày 20/11/1997; Nguyễn Thành S, sinh ngày 27/3/1999; Nguyễn Thành H, sinh ngày 05/5/2002 và Nguyễn T H, sinh ngày 05/5/2002. Do cháu H và cháu Sang đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hiền và cháu H, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu H và cháu H đều đang đi làm phụ giúp gia đình. Trường hợp nếu tại thời điểm xét xử vụ án, cháu H và cháu H đều đủ 18 tuổi và có khả năng lao động thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực T. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn T P.

2) Về con chung: Tại thời điểm vụ án được xét xử, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, các bên đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không xem xét, không giải quyết.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Vũ Thị T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn T P cư trú tại ấp 2, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn; anh Nguyễn T P là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể T anh P và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/1995. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị T và anh P T nay không còn chung sống với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T, anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị T và anh P có bốn con chung tên là Nguyễn Công H, sinh ngày 20/11/1997; Nguyễn Thành S, sinh ngày 27/3/1999; Nguyễn Thành H, sinh ngày 05/5/2002 và Nguyễn T H, sinh ngày 05/5/2002. Tại thời điểm xét xử, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, chị T và anh P đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, không giải quyết

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Vũ Thị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn T P.

2) *Về con chung*: Các cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 20/11/1997; Nguyễn Thành S, sinh ngày 27/3/1999; Nguyễn Thành H, sinh ngày 05/5/2002 và Nguyễn T H, sinh ngày 05/5/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3) *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cản trở vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002737 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Suối Nho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn